

Bản án số: 95/2024/HS-ST  
Ngày 28/5/2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lê Thị Kim Ngân
- Bà Phạm Thị Phương Dung.

**- Thư ký phiên tòa:**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nguyên là thư ký Tòa án Nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2024, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2024/HSST ngày 25/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 904/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Phạm Văn T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 12/10/2005, tại tỉnh Đồng Tháp; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, phường H, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Nhân viên sân Tennis; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Phạm Văn T (không rõ năm sinh) và bà Huỳnh Thị N (không rõ năm sinh); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 09/12/2023 đến nay.

2. Huỳnh Thị Ngọc Tr (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 27/5/2006, tại Đồng Tháp; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Nhân viên phục vụ quán ăn; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông Huỳnh Tấn Đ (CS) và bà Nguyễn Thị S (CS); Bị cáo là con thứ 03 trong gia đình có 03 người con; Chồng, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 09/12/2023 đến nay.

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thanh Ngọc T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số M đường Đ, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Bùi Nguyễn Tường V, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Số N đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số H đường H, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Số H đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr:* Ông Huỳnh Khắc T -  
Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số B đường P, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do cần tiền tiêu xài, Phạm Văn T rủ Huỳnh Thị Ngọc Tr tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật bán lấy tiền tiêu xài và được Tr đồng ý. Sau đó, T và Tr đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 04/12/2023, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 123xxx chở Tr lưu thông qua nhiều tuyến đường để tìm người có tài sản sơ hở. Khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, cả hai thấy bà Trần Thanh Ngọc T (ngồi sau xe mô tô không rõ biển kiểm soát, của người thanh niên không rõ lai lịch). Trên tay phải của bà T đang cầm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax. T điều khiển xe mô tô chạy theo bà T, đến trước nhà số aa đường T, phường B, Quận 1 thì áp sát từ phía sau, bên phải bà T, đồng thời dùng tay trái giật điện thoại di động của bà T rồi tăng ga tẩu thoát. Sau khi giật được điện thoại, T để điện thoại trên бага xe mô tô và dùng hai chân kẹp điện thoại tránh bị rơi, Tr dùng tay trái lấy điện thoại vừa giật được để trên yên xe giữa vị trí ngồi của T và Tr, sau đó cả 02 chạy về phòng trọ tại Số ab đường H, Phường B, Quận 10, cất giấu tài sản vừa chiếm đoạt được.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ 55 phút ngày 05/12/2023, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 123xxx chở Tr lưu thông trên đường K, phường B, Quận 1 thấy bà Bùi Nguyễn Tường V ngồi sau xe mô tô của ông Trần Văn Đ đang lưu thông cùng chiều. Trên tay phải của bà V cầm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax. T điều khiển xe mô tô chạy theo bà V đến đối diện nhà số bb đường D, phường B, Quận 1 thì áp sát từ phía sau, bên phải bà V, đồng thời T dùng tay

trái giật điện thoại di động của bà V rồi tăng ga tẩu thoát. Sau khi giật được điện thoại, T để điện thoại trên бага xe mô tô, Tr dùng tay phải lấy điện thoại để trên yên xe giữa vị trí ngồi của T và Tr. Sau đó, cả hai chạy về phòng trọ cất giấu tài sản vừa chiếm đoạt được.

Qua truy xét, Công an Quận 1 đã bắt giữ Phạm Văn T, Huỳnh Thị Ngọc Tr và thu hồi vật chứng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐGTS ngày 03/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, loại 256Gb, số Imei: 353894107712704 trị giá 7.000.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, loại 128Gb, số Imei: 352048886533606 trị giá 8.600.000 đồng;

- Từ chối định giá đối với 02 ốp lưng điện thoại màu đen.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn T và Huỳnh Thị Ngọc Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của T, Tr phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập được.

\* Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, loại 256Gb, số Imei: 353894107712704, gắn 01 ốp lưng màu đen; đã trả cho bị hại bà Trần Thanh Ngọc T.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, loại 128Gb, số Imei: 352048886533606, gắn 01 ốp lưng màu đen; đã trả cho bị hại bà Bùi Nguyễn Tường V.

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150, biển kiểm soát 789aaa, số khung: 123ABC, số máy: 456XXX qua xác minh do bà Huỳnh Thị N (mẹ ruột T) đứng tên chủ sở hữu. Bà N khai cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng đi cướp giật tài sản của người khác.

- 02 áo thun màu đen, 01 áo thun màu xám, 01 quần ngắn màu đen, 01 quần jean ngắn màu đen, 01 quần jean ngắn màu xám, 01 đôi dép màu hồng, 01 đôi dép màu trắng, 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng, 01 mũ bảo hiểm màu trắng là trang phục T và Tr sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Tạm giữ của Phạm Văn T:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A32, số Imei: 355870667941790.

Tạm giữ của Huỳnh Thị Ngọc Tr:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A13, số Imei: 354690578161234.

Hiện Công an Quận 1 đang tạm giữ số vật chứng trên.

\* Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thanh Ngọc T và bà Bùi Nguyễn Tường V đã nhận lại tài sản, cả hai không có yêu cầu gì về dân sự.

\* Tại bản Cáo trạng số 86/CT-VKSQ1 ngày 19 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Huỳnh Thị Ngọc Tr, Phạm Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm kết luận các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr, Phạm Văn T phạm tội với các tội danh như đã nêu trên.

Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr, Phạm Văn T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phạm Văn T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên, xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo:

Huỳnh Thị Ngọc Tr từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Phạm Văn T từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định pháp luật.

Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Thành phố Hồ Chí Minh luật sư Huỳnh Khắc T bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr phát biểu ý kiến tranh luận: Xác định nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên ông đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố. Tuy nhiên, cần xem xét về nguyên nhân phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể: Kết quả điều tra thể hiện do không có tiền tiêu xài, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, tuổi còn nhỏ nên nông nổi nhất thời nghe theo lời rủ rê của bị cáo Phạm Văn T về việc tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài và được Tr đồng ý tham gia thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Tr là người dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo không thể lường trước được tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn không có tổ chức, bị cáo Tr thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức nghe theo lời rủ rê của bị cáo Phạm Văn T. Hơn nữa, tài sản mà các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì.

Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi; gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, bị cáo thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, cha mẹ ly hôn nên bị cáo ở với mẹ; trình độ văn hóa thấp ( bị cáo mới học lớp 3/12 nên bị cáo bị hạn chế về nhận thức pháp luật) theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, khi phạm tội, bị cáo thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét cho bị cáo Tr được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 có ý kiến tranh luận với trợ giúp viên pháp lý Huỳnh Khắc T: Về hành vi của các bị cáo là dùng xe mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản được xem là dùng thủ đoạn nguy hiểm vì có thể và trên thực tế gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại hoặc của người khác, quy định này đã được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố các bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 là đúng quy định pháp luật. Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị cũng phù hợp vì đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như xem xét độ tuổi của bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết về nhân thân của bị cáo Tr như: Gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, cha mẹ ly hôn nên bị cáo ở với mẹ; trình độ văn hóa thấp 03/12 nên bị cáo bị hạn chế về nhận thức pháp luật để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không có cơ sở theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 04/12/2023, tại trước nhà số bb đường T, phường B, Quận 1 và khoảng 19 giờ 55 phút ngày 05/12/2023, tại đối diện nhà số xx đường D, phường B, Quận 1, Phạm Văn T và Huỳnh Thị Ngọc Tr đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 123xxx chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, loại 256Gb của bà Trần Thanh N T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, loại 128Gb của bà Bùi Nguyễn Tường V rồi nhanh chóng tẩu thoát, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 15.600.000 đồng; đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó T giữ vai trò là người tổ chức và trực tiếp thực hiện tội phạm, Tr có vai trò là người giúp sức. Hành vi của các bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, việc bị cáo T và Tr sử dụng phương tiện xe gắn máy để làm phương tiện phạm tội không những có khả năng gây tai nạn giao thông, làm hoang mang cho người đi đường mà còn có khả năng gây thương tích cho bị hại và ngay cả bản thân các bị cáo. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không cần lao động nên vẫn cố tình thực hiện nên các bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện.

[4] Về các tình tiết tăng nặng:

Đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr:

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Phạm Văn T:

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên, xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các điểm g, o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Văn T và Huỳnh Thị Ngọc Tr được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi phạm tội, đặc

điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Xét bị cáo Phạm Văn T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo.

Xét bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr, tại thời điểm phạm tội, bị cáo Tr được 17 tuổi 06 tháng 07 ngày thuộc trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội, bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Tr có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì khung hình phạt là từ 03 năm đến 10 năm. Lẽ ra mức hình phạt mà Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Tr là 04 năm tù, tuy nhiên do bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để áp dụng mức hình phạt tù cho bị cáo, cụ thể: mức hình phạt cao nhất được áp dụng cho bị cáo Tr không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Tại phần tranh luận, xét ý kiến của Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Tr cho rằng việc áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự về trường hợp dùng xe máy là phương tiện để cướp giật tài sản là dùng thủ đoạn nguy hiểm là không phù hợp, vì xe máy chỉ là phương tiện đi lại và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ như: Gia đình bị cáo khó khăn, cha mẹ ly hôn nên bị cáo ở với mẹ, trình độ văn hóa thấp ... là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54, Điều 91 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Như đã phân tích ở trên và xét ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 là có cơ sở, hành vi của các bị cáo là dùng xe mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản được xem là dùng thủ đoạn nguy hiểm vì có thể và trên thực tế gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại hoặc của người khác, quy định này đã được hướng dẫn cụ thể tại điểm 5.3 mục 5 phần 1 Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC- VKSNDTC - BCA - BTP ngày 25/12/2001 quy định về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “các tội xâm phạm sở hữu” của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì dùng xe mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của trợ giúp viên pháp lý Huỳnh Khắc T

cho rằng việc các bị cáo dùng xe mô tô thực hiện hành vi cướp giật tài sản không phải là dùng thủ đoạn nguy hiểm.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét đến nhân thân, độ tuổi, mức độ phạm tội của các bị cáo và cũng đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ cũng như hoàn cảnh gia đình của các bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên về việc đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết nêu trên là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không có.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Trần Thanh Ngọc T và bà Bùi Nguyễn Tường V đã nhận lại tài sản, cả hai không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, loại 256Gb, số Imei: 353894107712704, gắn 01 ốp lưng màu đen; đã trả cho bị hại bà Trần Thanh Ngọc T.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, loại 128Gb, số Imei: 352048886533606, gắn 01 ốp lưng màu đen; đã trả cho bị hại bà Bùi Nguyễn Tường V.

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150, biển kiểm soát 789aaa, số khung: 123ABC, số máy: 456XXX qua xác minh do bà Huỳnh Thị N (mẹ ruột T) đứng tên chủ sở hữu. Bà N khai cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng đi cướp giật tài sản của người khác. Xét cần trả lại cho bà N theo quy định của pháp luật.

- 02 áo thun màu đen, 01 áo thun màu xám, 01 quần ngắn màu đen, 01 quần jean ngắn màu đen, 01 quần jean ngắn màu xám, 01 đôi dép màu hồng, 01 đôi dép màu trắng, 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng, 01 mũ bảo hiểm màu trắng là trang phục T và Tr sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A32, số Imei: 355870667941790. Xét đây là tài sản cá nhân của bị cáo Phạm Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A13, số Imei: 354690578161234. Xét đây là tài sản cá nhân của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[10]. Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr và bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/12/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/12/2023.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, loại 256Gb, số Imei: 353894107712704, gắn 01 ốp lưng màu đen; đã trả cho bị hại bà Trần Thanh Ngọc T.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, loại 128Gb, số Imei: 352048886533606, gắn 01 ốp lưng màu đen; đã trả cho bị hại bà Bùi Nguyễn Tường V.

- Trả lại cho bà Huỳnh Thị N 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150, biển kiểm soát 789aaa, số khung: 123ABC, số máy: 456XXX.

- Tịch thu tiêu hủy 02 áo thun màu đen, 01 áo thun màu xám, 01 quần ngắn màu đen, 01 quần jean ngắn màu đen, 01 quần jean ngắn màu xám, 01 đôi dép màu hồng, 01 đôi dép màu trắng, 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng, 01 mũ bảo hiểm màu trắng.

(theo Lệnh nhập kho vật chứng số 464/LNK-ĐTTH ngày 29/3/2024 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T01 điện thoại di động hiệu Samsung A32, số Imei: 355870667941790.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr 01 điện thoại di động hiệu Samsung A13, số Imei: 354690578161234.

(theo Lệnh nhập kho vật chứng số 464/LNK-ĐTTH ngày 29/3/2024 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Áp dụng Điều 135; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Tr và bị cáo Phạm Văn Tcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./ .

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; bị hại; người CQLNVLQ
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hồng Hạnh**